



**PHỤ LỤC 3: ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020**

(Đính kèm Công văn số 2851/UBND-KT ngày 29 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS địa phương)	405.828.000	163.201.095	40,21	85,61
I	Thu nội địa	278.628.000	108.702.725	39,01	90,21
1	Thu từ khu vực DNNN	28.522.000	10.755.254	37,71	90,63
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	75.900.000	29.936.751	39,44	94,55
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	76.848.000	26.613.035	34,63	79,23
4	Thuế thu nhập cá nhân	46.100.000	22.379.930	48,55	104,91
5	Thuế bảo vệ môi trường	12.000.000	5.080.547	42,34	104,49
6	Lệ phí trước bạ	7.800.000	2.442.691	31,32	69,52
7	Thu phí, lệ phí	4.800.000	2.368.624	49,35	76,85
8	Các khoản thu về nhà, đất	15.600.000	4.611.301	29,56	75,97
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		117		71,34
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300.000	158.403	52,80	80,49
-	Thu tiền sử dụng đất	10.000.000	2.898.421	28,98	84,24
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	5.000.000	1.356.169	27,12	59,03
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	300.000	198.191	66,06	147,49
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	4.563.000	1.663.019	36,45	124,18
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	3.465.000	1.772.922	51,17	96,51
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác, thu từ bán tài sản nhà nước và thu khác	3.032.000	1.078.651	35,58	79,89
II	Thu từ đầu thô	12.200.000	6.370.163	52,21	52,53
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	115.000.000	48.100.000	41,83	82,97
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	70.530.000	32.998.751	46,79	87,45
2	Thuế XNK, thuế TTĐB hàng hóa nhập khẩu	44.470.000	14.790.684	33,26	73,86
3	Thu khác		310.565		145,19

A	B	1	2	3=2/1	4
IV	Thu viện trợ				
V	Các khoản huy động, đóng góp		28.207		79,00
B	THU NSĐP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS địa phương)	91.560.859	35.294.850	38,55	96,37
1	Thu NSĐP theo phân cấp	75.487.960	28.282.863	37,47	88,11
	- Từ các khoản thu phân chia	40.377.960	16.036.546	39,72	92,32
	- Các khoản thu NSĐP được hưởng 100%	35.110.000	12.246.318	34,88	83,14
2	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang		3.335.626		176,07
3	Thu viện trợ				0,00
4	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.693.145	3.648.154	41,97	140,79
5	Thu bổ sung từ nguồn cải cách tiền lương đưa vào cân đối chi thường xuyên	7.379.754			
6	Các khoản huy động, đóng góp		28.207		79,00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ